ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

NGUYỄN THỊ THÁI HÀ

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN BỆNH TAI MŨI HỌNG CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG TRUNG THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN NĂM 2014

Chuyên ngành: Y HỌC DỰ PHÒNG
Mã số: 60 72 01 63

LUẬN VĂN THẠC SĨ Y HỌC

HƯỚNG DẪN KHOA HỌC PGS.TS TRẦN DUY NINH

THÁI NGUYÊN - 2015

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – ĐHTN http://www.lrc.tnu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, toàn bộ số liệu và kết quả trong luận văn này là trung thực, chính xác.

Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

HỌC VIÊN

Nguyễn Thị Thái Hà

LỜI CẢM ƠN

Với tất cả lòng chân thành tôi xin trân trọng bày tỏ lời cảm ơn tới Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên; Phòng Đào tạo và Hội đồng đánh giá luận văn cấp cơ sở - Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên; Thầy cô giáo trong Khoa Y tế Công cộng - Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên đã hướng dẫn giúp đỡ tôi rất nhiều trong suốt thời gian tôi học tập tại trường.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Trần Duy Ninh người thầy đã tận tình hướng dẫn, giảng dạy, giúp đỡ tôi phương pháp nghiên cứu, tư duy khoa học để hoàn thành luận văn.

Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn tới Ban giám hiệu, các thầy cô giáo, phụ huynh và các em học sinh Trường Trung học cơ sở Quang Trung - Thành phố Thái Nguyên đã hết lòng tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình lấy số liệu thực hiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên, các phòng ban chức năng và tập thể giảng viên bộ môn Y học Cộng đồng đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn những tình cảm và sự động viên, giúp đỡ nhiệt tình của gia đình, người thân và bạn bè.

Thái Nguyên, tháng 5 năm 2015

HỌC VIÊN

Nguyễn Thị Thái Hà

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CI	: Khoảng tin cậy (Confidence Interval)
CS	: Cộng sự
GDSK	: Giáo dục sức khỏe
OR	: Tỉ suất chênh (Odd - Ratio)
PTTT	: Phương tiện truyền thông
SL	: Số lượng
STT	: Số thứ tự
THCS	: Trung học cơ sở
TMH	: Tai mũi họng
V.A	: Végetations adenoides
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization)

MỤC LỤC

Lời cam đoan i
Lời cảm ơn ii
Danh mục chữ viết tắt iii
Mục lục iv
Danh mục bảng vi
Danh mục biểu đồ viii
ĐẶT VẤN ĐỀ 1
Chương 1: TỔNG QUAN 3
1.1. Các bệnh lý tai mũi họng thường gặp ở học sinh 3
1.1.1. Các bệnh về tai 3
1.1.2. Các bệnh về mũi xoang 4
1.1.3. Các bệnh về họng 7
1.1.4. Một số vấn đề khác 10
1.2. Thực trạng bệnh tai mũi họng của học sinh 11
1.2.1. Thực trạng bệnh tai mũi họng thế giới 11
1.2.2. Thực trạng bệnh tai mũi họng tại Việt Nam 15
1.3. Các yếu tố liên quan đến bệnh tai mũi họng 17
1.3.1. Hành vi phòng chống bệnh 17
1.3.2. Yếu tố môi trường gia đình - xã hội 18
1.3.3. Cung ứng dịch vụ của hệ thống y tế (y tế trường học) 20
1.3.4. Yếu tố sinh học và một số yếu tố khác 20
Chương 2: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 24
2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu 24
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu 24
2.1.2. Địa điểm nghiên cứu 24
2.1.3. Thời gian nghiên cứu 24
2.2. Phương pháp nghiên cứu 24

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu 24
2.2.2. Cỡ mẫu nghiên cứu 24
2.2.3. Kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu 25
2.4. Chỉ số nghiên cứu 26
2.4.1. Thực trạng bệnh tai mũi họng của học sinh trường trung học cơ sở Quang Trung thành phố Thái Nguyên năm 2014 26
2.4.2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến bệnh tai mũi họng của học sinh trường trung học cơ sở Quang Trung thành phố Thái Nguyên năm 2014 26
2.5. Phương pháp thu thập thông tin 29
2.6. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu 30
2.7. Phương pháp khống chế sai số 30
2.8. Đạo đức trong nghiên cứu 30
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 32
3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu 32
3.2. Thực trạng bệnh tai mũi họng của học sinh trường trung học cơ sở Quang Trung thành phố Thái Nguyên 2014 33
3.3. Các yếu tố liên quan tới bệnh bệnh tai mũi họng của học sinh Trường trung học cơ sở Quang Trung thành phố Thái Nguyên năm 2014 38
Chương 4: BÀN LUẬN 48
4.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu 48
4.2. Thực trạng bệnh tai mũi họng của học sinh trường THCS Quang Trung thành phố Thái Nguyên 2014 49
4.3. Các yếu tố liên quan tới bệnh bệnh tai mũi họng của học sinh Trường trung học cơ sở Quang Trung thành phố Thái Nguyên năm 2014 55
KẾT LUẬN 66
KHUYẾN NGHỊ 68
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC 1
PHỤ LỤC 2

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Đối tượng nghiên cứu xếp theo độ tuổi (lớp) 35
Bảng 3.2. Các bệnh đã gặp về tai 36
Bảng 3.3. Các bệnh đã gặp về mũi xoang 36
Bảng 3.4. Các bệnh đã gặp về họng 37
Bảng 3.5. Phân độ V.A 37
Bảng 3.6. Phân độ amidan 38
Bảng 3.7. Mối liên quan giữa độ tuổi với bệnh tai mũi họng 38
Bảng 3.8. Mối liên quan giữa giới tính với bệnh tai mũi họng 39
Bảng 3.9. Mối liên quan của làm nghề dịch vụ tại gia đình với bệnh tai mũi họng 39
Bảng 3.10. Mối liên quan của thói quen tập thể dục thể thao với bệnh tai mũi họng 40
Bảng 3.11. Mối liên quan giữa thói quen ăn sáng với bệnh tai mũi họng 40
Bảng 3.12. Mối liên quan giữa thói quen ăn đêm với bệnh tai mũi họng 41
Bảng 3.13. Mối liên quan giữa thói quen thức khuya với bệnh tai mũi họng 41
Bảng 3.14. Mối liên quan của thói quen dậy sớm với bệnh tai mũi họng 42
Bảng 3.15. Mối liên quan giữa kiến thức phòng chống bệnh tai mũi họng với bệnh tai mũi họng 42
Bảng 3.16. Mối liên quan giữa thái độ về dự phòng bệnh tai mũi họng với mắc bệnh tai mũi họng 43
Bảng 3.17. Mối liên quan giữa thực hành về phòng chống bệnh tai mũi họng với mắc bệnh tai mũi họng 43
Bảng 3.18. Mối liên quan giữa việc giáo dục về phòng chống bệnh tai mũi họng tại gia đình với bệnh tai mũi họng 44
Bảng 3.19. Mối liên quan giữa việc tự tìm hiểu về phòng chống bệnh tai mũi họng qua các phương tiện truyền thông với bệnh tai mũi họng 44
Bảng 3.20. Mối liên quan giữa loại nhà ở với bệnh tai mũi họng 45

Bảng 3.21. Mối liên quan giữa nơi để bếp đun với bệnh tai mũi họng 45
Bảng 3.22. Mối liên quan giữa loại bếp đun với bệnh tai mũi họng 46
Bảng 3.23. Mối liên quan giữa nuôi chó/mèo với bệnh tai mũi họng 46
Bảng 3.24. Mối liên quan giữa nuôi gia cầm với bệnh tai mũi họng 47
Bảng 3.25. Mối liên quan giữa những người mắc tai mũi họng trong gia đình với bệnh tai mũi họng 47

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Đối tượng nghiên cứu xếp theo giới tính 32
Biểu đồ 3.2. Đối tượng nghiên cứu xếp theo dân tộc 33
Biểu đồ 3.3. Tỉ lệ học sinh mắc bệnh tai mũi họng 33
Biểu đồ 3.4. Phân bố tỉ lệ mắc bệnh tai mũi họng theo nhóm tuổi 34
Biểu đồ 3.5. Phân bố tỉ lệ mắc bệnh tai mũi họng theo giới 35

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh tai mũi họng là một nhóm bệnh phổ biến do ảnh hưởng của khí hậu và do sự thay đổi của môi trường. Bệnh tai mũi họng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cuộc sống của bệnh nhân và sẽ để lại những hậu quả, di chứng nặng nề nếu bệnh không được phát hiện sớm và điều trị kịp thời [15], [19], [40]. Các nghiên cứu đều cho thấy tỉ lệ bệnh tai mũi họng chiếm tương đối cao trong cộng đồng. Nghiên cứu tại Ấn Độ (2012) cho tỉ lệ các bệnh về tai chiếm 46,64%; bệnh về mũi (18,30%) và họng là 12,05% [26]. Nghiên cứu ở Nigeria (2013) cho kết quả các bệnh về tai chiếm 62,7%; tiếp theo là các bệnh về mũi (23,0%); các bệnh về họng (9,6%) [31]. Nghiên cứu của Viral Shah và cộng sự (2014) cho tỉ lệ bệnh tai mũi họng là 46,6% [60].

Việt Nam là một nước đang phát triển và thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do đặc thù khí hậu và đặc thù của phát triển kinh tế nên tỉ lệ bệnh tai mũi họng tương đối cao. Nghiên cứu của Trần Duy Ninh từ năm 1998 đã cho kết quả bệnh tai mũi họng ở vùng dân tộc 7 tỉnh miền núi phía Bắc chiếm 63,61% [17]. Nghiên cứu năm 2004 của Đặng Hoàng Sơn cho tỉ lệ viêm tai giữa mạn tính là 6,86% và viêm tai giữa ứ dịch là 7,1% [18]. Nghiên cứu của Phùng Minh Lương (2010) cho tỉ lệ mắc bệnh tai mũi họng ở cộng đồng người dân tộc Ê-đê là 58,9% [13]. Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hà (2013) cho tỉ lệ mắc các bệnh tai mũi họng chiếm 65,0% [5].

Bệnh tai mũi họng là một bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ, đặc biệt ở trẻ từ độ tuổi tiểu học trở xuống [15], [19]. Đã có nhiều nghiên cứu về bệnh tai mũi họng ở trẻ nhỏ [3], [5], [16]; nhưng những nghiên cứu về bệnh tai mũi họng ở lứa tuổi trẻ lớn - lứa tuổi đang đi học (11-15 tuổi) còn ít được để ý. Đây là lứa tuổi chiếm một tỉ lệ khá cao trong cơ cấu dân số, là lứa tuổi đang phát triển cả về thể chất, tâm sinh lý và cũng là đối tượng rất thường mắc các bệnh lý ở tai